TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2025/DS-PT
Ngày: 30-9-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng - Cơ sở 1 (Số 200 Phạm Hùng, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 405/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 299/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987 (có mặt).
Địa chỉ: Khu phố Phú Điền, phường B, tỉnh L.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố Xuân Điền, phường B, tỉnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Bà Lê Thị H1, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố Phú Điền, phường B, tỉnh L.
2/ Ông Phan Trung T, sinh năm 1979 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố Xuân Điền, phường B, tỉnh L**.**

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2025, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và bà Ngô Thị H quen biết nhau, là hàng xóm của nhau. Do bà H nói đang kẹt tiền có nhờ ông vay dùm tiền nên ngày 30/8/2023 ông có cho bà H vay số tiền 60.000.00 đồng. Đến ngày 06/9/2023 bà H tiếp tục nhắn tin cho ông hỏi vay dùm cho bà H 100.000.000 đồng, ông đồng ý và tiếp tục cho bà H vay 100.000.000 đồng. Những lần vay trên thì bà H đều nói là mua thanh long thiếu tiền có nhờ ông đi vay dùm cho bà H. Hai lần ông cho bà H vay tiền thì đều chuyển vào số tài khoản 068068868686 tại Ngân hàng TMCP Quân đội của bà H. Hai lần vay trên thì bà H đều hứa trong vòng 01 tháng thì sẽ trả lại số tiền vay cho ông nhưng tới nay bà H không trả.

Nay ông yêu cầu bà H trả cho vợ chồng ông số tiền 160.000.000 đồng tiền gốc. Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu bà H trả lãi, nay ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi nữa.

Bị đơn bà Ngô Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Trung T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 trình bày: Bà và ông Đ là vợ chồng, gia đình bà và gia đình bà H là hàng xóm với nhau. Lời trình bày của ông Đ về số tiền cho bà H vay trên là đúng, bà không bổ sung gì thêm. Số tiền vay trên là tiền bà H nhờ vợ chồng bà vay dùm cho bà H nhưng đến nay bà H không trả. Nay bà yêu cầu bà H trả cho vợ chồng bà số tiền 160.000.000 đồng tiền gốc. Bà không yêu cầu trả lãi.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đã niêm yết hợp lệ cho bà H và ông Thắng nhưng bà H và ông T vắng mặt. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng, đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 30 Luật hôn nhân gia đình; khoản 02 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đức

Buộc bà Ngô Thị H trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị H1 số tiền 160.000.000 đồng tiền gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.560.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003123 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 12-Lâm Đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng theo hướng buộc bà Ngô Thị H và ông Phan Trung T liên đới trả cho vợ chồng ông Đ số tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 07/10/2023 cho đến khi trả nợ xong với mức lãi suất là 10%/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.
- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Xuân Điền, xã H1, huyện H, tỉnh B (nay là khu phố Xuân Điền, phường B, tỉnh L). Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng hướng buộc bà Ngô Thị H và ông Phan Trung T liên đới trả cho vợ chồng số tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 07/10/2023 cho đến khi trả nợ xong với mức lãi suất là 10%/năm, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về tiền gốc:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 02 nội dung chuyển khoản thể hiện: ngày 30/8/2023 bên chuyển tiền: Nguyễn Văn Đ, bên nhận tiền Ngô Thị H, tài khoản nhận: 068068868686 của Ngân hàng TMCP Quân đội, số tiền nhận 60.000.000 đồng; ngày 06/9/2023 bên chuyển tiền: Nguyễn Văn Đ, bên nhận tiền Ngô Thị H, tài khoản nhận: 068068868686 của Ngân hàng TMCP Quân đội, số tiền nhận 100.000.000 đồng;

Các nội dung tin nhắn thể hiện việc bà H nhờ ông Đ vay 02 khoản vay trên và thời hạn trả nợ là 01 tháng kể từ ngày vay; bảng sao kê giao dịch chuyển tiền cho bà Ngô Thị H từ số tài khoản 4091917 - chủ tài khoản Nguyễn Văn Đ.

Như vậy, có căn cứ xác định giữa các bên đã có thỏa thuận thực hiện hợp đồng vay tài sản. Đây là hợp đồng có thỏa thuận về thời hạn vay, không có tài sản bảo đảm, không có thỏa thuận lãi suất và mục đích vay, được quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tại thời điểm giao kết, các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự. Nnội dung thỏa thuận trong hợp đồng dựa trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, do đó hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ngô Thị H không thực hiện theo đúng nghĩa vụ của mình, không có ý kiến gì về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn nộp các tài liệu trên trong đó có bảng sao kê giao dịch thể hiện đã chuyển tiền vào số tài khoản của bà Ngô Thị H 02 lần tổng cộng 160.000.000 đồng là bản gốc. Do vậy có đủ căn cứ xác định bà H có mượn của ông Đ 02 lần tổng cộng 160.000.000 đồng tiền gốc.

Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn Đ là có thật.

[2.2] Về tiền lãi:

Theo nội dung tin nhắn thể hiện việc bà Ngô Thị H nhờ ông Nguyễn Văn Đ vay 02 khoản vay trên và thời hạn trả nợ là 01 tháng kể từ ngày vay. Bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cho ông Đ, nhưng khi đến hạn, bà H không thực hiện việc trả nợ. Do đó, nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh trên số tiền gốc phải thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm (BL số 84) nguyên đơn đã tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm trả kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu tính lãi) nên việc nguyên đơn kháng cáo yêu cầu tính lại lãi suất chậm thanh toán là không có căn cứ để xem xét.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Tại biên bản hòa giải ngày 07/10/2023 của Tổ hòa giải thôn Xuân Điền, xã

H1 (bà H vắng mặt), có mặt ông Phan Trung T là chồng của bà H. Tại biên bản hòa giải thể hiện nội dung ông T không biết bà H vay tiền của ông Nguyễn Văn Đ, việc bà Ngô Thị H vay tiền trên để làm gì ông không biết, bà H vay xong thì bỏ đi khỏi địa phương từ đó đến nay nên ông T không liên quan đến khoản vay tiền trên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đ không chứng minh được khoản tiền cho bà H vay trên là tiền vay chung của bà H và ông T, không chứng minh được bà H vay tiền của ông để sử dụng vào mục đích thiết yếu của gia đình bà H ông T, đồng thời việc này cũng không được ông T thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 07/10/2023 của Tổ hòa giải Thôn Xuân Điền, xã H1. Mặt khác, tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị H1 chỉ yêu cầu một mình bà Ngô Thị H trả khoản nợ trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc một mình bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền trên là phù hợp. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông Phan Trung T có nghĩa vụ liên đới trả nợ là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, buộc bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả số tiền 160.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12-Lâm Đồng.

2. *Áp dụng:* Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 30 Luật hôn nhân gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

3. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc bà Ngô Thị H trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị H1 số tiền 160.000.000 *(Một trăm sáu mươi triệu đồng)* đồng tiền gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị H phải chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.560.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003123 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 12- Lâm Đồng).

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001379 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

5. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2025).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 12;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Hòa